

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

VÀI NÉT VỀ DÒNG TU CÔNG GIÁO

(Tiếp theo kì trước)

NGUYỄN PHÚ LỢI*

4. Vị trí, vai trò của dòng tu trong Giáo hội Công giáo

Theo quan niệm của Giáo hội, tu sĩ là bậc sống trong thành phần của giáo hội, họ không thuộc hàng ngũ giáo sĩ cũng không phải là giáo dân do khẩn hứa tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm. Sự phân biệt giữa giáo dân với giáo sĩ dựa trên bí tích truyền chức thánh và nằm trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội. Còn tu sĩ dựa trên sự tuân giữ lời khuyên Phúc Âm và thuộc về sự thánh thiện của Giáo hội. Công đồng Vatican II chỉ rõ: "bậc sống tu trì không ở giữa bậc giáo sĩ và giáo dân"⁽¹⁾. Theo các nhà thần học Công giáo: "Sự phân biệt giữa giáo dân với giáo sĩ dựa trên bí tích truyền chức thánh và nằm trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội. Còn hàng ngũ tận hiến thì dựa trên sự tuân giữ lời khuyên Phúc Âm và thuộc về sự thánh thiện của Giáo hội"⁽²⁾. Họ được "thánh hiến" đặc biệt cho Thiên Chúa, sống các lời khuyên Phúc Âm, theo gương Chúa Kitô, phục vụ Giáo hội, chiêm niệm và hăng say hoạt động tông đồ, trau dồi nhân đức đức tin.

Đối với đạo Công giáo, dòng tu và tăng lớp tu sĩ có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động truyền giáo, củng cố đức tin Công giáo và một số hoạt động chính trị xã hội khác. Giáo hội Công giáo cho

rằng, dòng tu và hàng ngũ tu sĩ không chỉ chu toàn kinh nguyện, thờ Chúa, củng cố đức tin và lòng đạo, mà với vai trò của mình, giới tu sĩ còn lãnh sứ mệnh truyền giáo, thực thi lệnh truyền của Chúa Kitô: "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo" (Mc 16.15) để mở rộng Nước Chúa.

Vào thời Trung cổ, trong các giáo đoàn Kitô giáo sơ khai đã có một số tín đồ cuồng nhiệt với hoạt động truyền giáo phát triển đạo. Mặc dù bị chính quyền Rôma săn lùng, ngăn cấm nhưng họ vẫn nhiệt tâm với nhiệm vụ rao giảng Tin mừng để mở rộng Nước Chúa. Họ sống lẫn trốn và hoạt động truyền giáo lén lút, sau này được Giáo hội tôn vinh là các bậc Thánh ẩn tu. Thời kì này, các thánh ẩn tu giữ vai trò quan trọng và chính yếu đối với công cuộc truyền giáo phát triển đạo, củng cố đức tin Kitô giáo. Chính họ là những tấm gương cho các tín đồ noi theo để giữ vững đức tin Công giáo, sống đạo, giữ đạo trước sự bách hại của chính quyền La Mã.

Sang thời kì trung cổ, các dòng tu không những giữ vai trò "điều chỉnh", "củng cố", giữ vững kỉ cương của Giáo hội mà còn là một lực lượng nòng cốt bảo vệ thành trì của Giáo hội và là đội quân chủ

*. TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

lực trong công cuộc truyền giáo. hoán cải dân ngoại để "mở rộng vùng giáo". Khi thần quyền còn đứng trên thế quyền, dòng tu được sử dụng như một công cụ của giáo quyền trong việc thống trị xã hội. Vào thời cận đại, khi Giáo hội Công giáo bị mất vị trí độc tôn cả về thế quyền và thần quyền ở Châu Âu trước sự tấn công của phong trào Cải cách Tin lành và chủ nghĩa tư bản, chính các dòng tu là đội quân tiên chiến đi tiên phong đem thập giá - ánh sáng Tin mừng đi mở rộng Nước Chúa ra vùng đất ngoại trên khắp thế giới. Hơn nữa, các dòng tu còn đi đầu trong việc củng cố kỷ cương của Giáo hội để tôn giáo này vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thời đại. Ngày nay, đời sống tu trì vẫn được xem là một dấu hiệu lớn cho biết Giáo hội Công giáo đang có mặt và hoạt động tại địa phương.

Từ sau Công đồng Vatican II, vai trò của dòng tu Công giáo được Giáo hội nhìn nhận lại đúng với vị trí, chức năng của nó. Dòng tu được xem như một bộ phận cấu thành của Giáo hội, còn tu sĩ là một bậc sống tuy không nằm trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội (giáo sĩ và giáo dân), nhưng là một thành phần cấu thành của Dân Thiên Chúa (gồm giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân). *Hiến chế Tín lý về Giáo hội* của Công đồng Vatican II khẳng định: "như một cây đâm chồi nảy lộc um tùm và kì diệu từ hạt giống Chúa gieo vãi trong cánh đồng của Người, thì cũng có nhiều lối sống khác nhau: đơn độc hay cộng đoàn và dòng tu khác nhau mà sản nghiệp dồi dào đem lại lợi ích cho các chi thể của dòng cũng như toàn thân thể Chúa Kitô"⁽³⁾. Giáo hội xem các dòng tu không chỉ là cầu nối giữa Giáo hội và giáo dân mà còn là một thành phần trong Giáo hội. Do đó, "mỗi người tùy sức và ơn gọi của mình, bằng kinh nghiệm hay

bằng hành động tích cực, có bổn phận làm cho Nước Chúa ăn rễ sâu và vững mạnh trong các tâm hồn và bành trướng trên khắp vũ trụ"⁽⁴⁾.

Công đồng Vatican II cho rằng: "Đời sống tu trì được coi là một hồng ân Chúa Cha ban cho Giáo hội, Giáo hội phải trung thành gìn giữ và hướng dẫn. Do lời giảng và gương mẫu của Người, Chúa Kitô là nền tảng của các lời khuyên Phúc Âm"⁽⁵⁾ mà ở đó, "các tu sĩ như những mối dây ràng buộc chắc chắn và bền vững phản chiếu hình ảnh của Đức Kitô nối kết với Giáo hội và hiến thể của Người bằng một mối dây bất khả phân ly"⁽⁶⁾. Không những thế, Giáo hội còn khẳng định: "bậc sống tu trì biểu lộ cho thế giới khuôn mặt của Giáo hội và qua khuôn mặt đó người ta phán đoán về sức mạnh và chân lí của sứ điệp Kitô giáo"⁽⁷⁾. Do đó, bản thân mỗi tu sĩ càng hiến thân trọng vẹn bao nhiêu thì "đời sống Giáo hội càng phong phú và việc tông đồ của Giáo hội"⁽⁸⁾ càng có kết quả hơn bấy nhiêu. Trong bài diễn văn đọc trước các tu sĩ Brazil ngày 3-7-1980, Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhấn mạnh: "Lịch sử Giáo hội được liên kết và nhiều khi trở nên đồng nhất với hoạt động không mệt mỏi của các tu sĩ"⁽⁹⁾.

Công việc chính yếu của tu sĩ là kinh nguyện, chiêm niệm, hãm mình sống cho Thiên Chúa, cho Giáo hội, cho tha nhân và làm sứ giả trong việc loan báo Tin mừng cứu độ để mở rộng Nước Chúa trên khắp trần gian. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm của họ là làm việc tông đồ truyền giáo phát triển đạo. Nhưng tùy theo khả năng của mỗi người và tùy theo mục đích của mỗi dòng mà hoạt động tông đồ của họ được triển khai trên phạm vi rộng hay chỉ bó hẹp trong phạm vi của từng dòng. Mục tiêu tối hậu của hoạt động tông đồ là

làm cho Nước Chúa lan tràn trên khắp thế gian, Tin mừng cứu độ được bám rễ sâu vào đời sống xã hội. *Sắc lệnh về canh tân thích nghi dòng tu* của Công đồng Vatican II chỉ rõ: "Tu sĩ của bất cứ hội dòng nào, trong lúc đi tìm một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự, đều phải liên kết việc chiêm niệm với nhiệt tâm truyền giáo: vì chiêm niệm, họ kết hợp lòng trí với Thiên Chúa, và nhờ nhiệt tâm truyền giáo, họ tham gia công cuộc Cứu thế và mở rộng Nước Chúa"⁽¹⁰⁾. Công đồng cũng nhắc nhở các bậc tu trì phải luôn bắt nguồn từ việc kết hợp mật thiết với Chúa và không ngừng củng cố việc kết hợp ấy.

Vai trò của các dòng tu ngày càng được đề cao cả trong giáo hội cũng như trong đời sống xã hội. Thậm chí Giáo hội còn khẳng định: sự thịnh suy của đời tu là sự thịnh suy của chính Giáo hội. Ngoài các hoạt động thuộc về đời sống đức tin phục vụ Thiên Chúa và Giáo hội, các tu sĩ còn tham gia các hoạt động xã hội, như làm việc bác ái, nuôi dạy trẻ, giúp đỡ người nghèo, giáo dục, y tế nhằm mục tiêu truyền giáo phát triển đạo. Có học giả Công giáo nhận xét: "Các tổ chức tu trì là một trong những dấu hiệu lớn cho biết Giáo hội Công giáo có mặt và hoạt động tại một địa phương nào đó. Có mặt và hoạt động trước hết như những tổ chức có mục đích tôn giáo: thờ phượng Đấng tối cao không những bằng lời kinh và nghi lễ, mà còn bằng cả đời sống có phần khác với đa số đồng bào giáo dân. Đó là các tu sĩ, sống theo những lời khấn hứa (thường được xác định cách chung là độc thân, khiết tịnh, khó nghèo, vâng phục chuyên cần cầu nguyện và liên kết với nhau trong tình huynh đệ). Rồi có mặt và hoạt động như những tổ chức có mục đích

nhân đạo: phục vụ đồng bào không những bằng việc hướng dẫn họ thờ phụng Thiên Chúa, mà còn bằng cả những việc nhân bản như giáo dục, chăm lo sức khoẻ, cứu tế..."⁽¹¹⁾.

Ngày nay, vai trò của các dòng tu không chỉ bó hẹp trong việc sống đạo, củng cố đức tin Công giáo, giữ đạo, truyền giáo phát triển đạo mà còn cả trong các lĩnh vực xã hội, chính trị nhằm làm cho đạo Công giáo ngày càng ăn sâu, bám rễ chắc hơn vào đời sống xã hội trần thế hơn.

5. Đời sống tu trì

Lối sống tu trì được xem là một mẫu mực trong việc biểu lộ và thực hành đức tin Kitô giáo qua sự tuân giữ ba lời khuyên Phúc Âm⁽¹²⁾. Chính vì vậy, Giáo hội cho rằng: đời tu "như một trong những cách hiện thân chính yếu của Giáo hội", là bằng chứng cho thấy sự bền vững và sức sống của Giáo hội trong việc phục vụ Thiên Chúa và con người trong các địa phương khác nhau và qua các thời đại.

Mặc dù có rất nhiều hình thức tu tập khác nhau theo chủ đích của mỗi tu đoàn, song nhìn chung lối sống tu trì của các tu sĩ và cả những người có xu hướng theo tu sĩ (hội viên các tổ chức dòng Ba), đều có những điểm chung. Đó là sự tự nguyện hiến thân cho Chúa, chuyên cần chiêm niệm, kinh nguyện, sống thanh bần, chăm lo tu luyện nhân đức thực hiện ba lời khuyên Phúc Âm và liên kết với nhau trong tình huynh đệ. Các nhà thần học cho rằng, sở dĩ gọi là lời khuyên Phúc Âm vì chúng chứa đựng trong các sách Phúc Âm. Mặc dù, sách Phúc Âm có rất nhiều lời khuyên, "Nhưng ba lời khuyên khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục được coi là cô đọng tinh thần Phúc Âm hơn cả". Lời

khuyên “Phúc Âm có nghĩa là lời mời hãy đi theo Đức Kitô cách sát gót hơn, hạ đời cuộc sống của Ngài”⁽¹³⁾.

Khiết tịnh hay *trinh khiết* là lối sống đề cao nhân đức đức tin, xa lánh dục vọng trần thế. Các tu sĩ có lối sống độc thân, không lập gia đình, noi gương Đức Kitô dâng hiến trọn vẹn cho Thiên Chúa và tha nhân. *Khó nghèo* hay *thanh bần* là lối sống đề cao sự thanh đạm, không chạy theo nhu cầu vật chất tầm thường. Các tu sĩ dòng và tu đoàn tông đồ sống chung với nhau, không giữ tài sản riêng, mọi thứ đều là của chung. Khó nghèo còn là sự dẫn thân phục vụ người nghèo, thậm chí không ham muốn quyền lực trong giáo hội, như không lĩnh nhận chức thánh. *Vâng phục* hay *vâng lời* là sự tuân thủ tuyệt đối thánh ý của Thiên Chúa và bề trên dòng. Đó là những nội dung cốt lõi của các lời khuyên Phúc Âm và là yếu tố tạo nên cốt cách của đời sống tu trì. Tuy nhiên, tùy theo chủ đích của mỗi dòng, tùy hình thức tu tập mà các tu sĩ hoặc coi trọng lối sống chiêm niệm, cô tịch trong thình lặng tách khỏi cuộc sống đời thường trong các đan viện hay dẫn thân vào các hoạt động tông đồ gắn bó với xã hội trần thế để truyền giáo phát triển đạo. Tùy theo chủ đích của người sáng lập mà mỗi dòng tu có sự ưu tiên hay đề cao một lời khuyên nào đó. Đối với các dòng Biển Đức, Đa Minh, dòng Tên đức vâng lời được đặt lên hàng đầu, trong khi dòng Phanxicô lại xem sự khó nghèo là yếu tố nòng cốt hơn cả⁽¹⁴⁾.

Ngoài ba lời khuyên Phúc Âm, tùy theo chủ đích của mình, nhiều dòng tu còn có lời khuyên riêng, gọi là *lời khuyên thứ tư*. Theo các sử gia Công giáo, hai dòng đầu tiên có lời khuyên thứ tư là dòng Đức Bà chuộc kẻ lầm tối (1192) với lời khuyên đi

cứu người Công giáo bị người Hồi giáo bắt làm nô lệ và dòng Clara với lời khẩn giữ nội vi (không ra khỏi đan viện). Từ đó, nhiều dòng tu có lời khẩn thứ tư nhằm nói lên tính đặc thù của dòng mình, như dòng Cát Minh khẩn phục vụ người đau yếu, dòng Gioan Thiên Chúa khẩn phục vụ bệnh viện, dòng Thừa sai Truyền giáo khẩn phục vụ người nghèo, dòng Sư huynh Lasan khẩn giáo dục thiếu niên, dòng Chúa Ba Ngôi, dòng Tên, dòng Cát Minh khẩn không làm giám mục, dòng Tên còn khẩn sẽ trình bề trên nếu bị Tòa Thánh bắt buộc làm giám mục, dòng Escolapio và một số trợ sĩ dòng Augustinô, Cát Minh khẩn không làm linh mục, v.v... Theo thống kê của Tòa Thánh, tính đến năm 1987 có tới 140 loại lời khẩn tu. Thái độ của Giáo hội khi thì khuyến khích, lúc làm ngơ cũng có khi cấm thêm lời khẩn thứ tư mà xem đó như gia sản thiêng liêng của các dòng tu⁽¹⁵⁾.

Dòng tu bao quát một lối sống khuôn phép, nghiêm ngặt, dù có tu phục riêng, sống theo cộng đoàn, có tu viện hay không. Đối với các tu sĩ thuộc dòng tu, nhất là các dòng khổ hạnh, ần tu hay dòng kín nữ tu, việc tuân giữ ba lời khuyên Phúc Âm được xem là dấu chỉ của đời tận hiến. Họ không chỉ giữ luật độc thân mà còn có áo dòng để biểu thị sự xa lánh xã hội trần thế. Cuộc sống hàng ngày của các tu sĩ tuân theo một lịch trình nhất định, có thời gian biểu được phân chia rõ ràng, cụ thể các công việc và sinh hoạt tôn giáo cho từng thành viên theo một chương trình do bề trên dòng sắp đặt và giám sát. Tất cả các thành viên trong dòng đều phải căn cứ vào đó tự giác thực hiện, không ai được phép làm theo ý riêng của mình khi chưa được phép của bề trên. Nhìn chung, các tu sĩ thường dành khoảng 1/3 thời gian trong ngày cho việc sinh hoạt tôn giáo.

Tùy theo tôn chỉ, mục đích hoạt động của từng dòng mà thời gian và hình thức hoạt động của từng dòng có sự khác nhau. Nếu là dòng chiêm niệm thì chú trọng đến nguyện ngẫm và lao động, nếu là dòng hoạt động tông đồ thì dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động xã hội. Hằng ngày, tu sĩ hoạt động và tiến hành các công việc theo lịch trình định sẵn của dòng. Có thể chia lịch sinh hoạt hằng ngày của tu sĩ làm 4 khoảng thời gian: sáng, trưa, chiều, tối⁽¹⁶⁾. Các dòng chiêm niệm thường chia thời gian trong ngày thành 3 khoảng: 8 giờ sinh hoạt tâm linh, 8 giờ lao động và học tập, 8 giờ nghỉ ngơi. Đối với các dòng hoạt động xã hội thường chỉ dự thánh lễ, kinh sáng, kinh tối, sinh hoạt cộng đồng. Sinh hoạt cộng đồng là vấn đề có tính bắt buộc đối với các tu sĩ, nhất là đối với các dòng nữ tu. Mỗi tu sĩ tự chọn cho mình một lời khuyên của "Chúa" để suy niệm một mình và dành thời gian tĩnh tâm để kiểm điểm bản thân mình. Các cuộc tĩnh tâm của tu sĩ có thể tổ chức hàng tháng hoặc mỗi năm một lần tùy theo từng dòng.

Do tính đa dạng, phong phú của các hình thức tổ chức tu trì, nên Giáo luật chỉ quy định về những điểm chung cho đời sống tu trì, còn mỗi dòng tu có tôn chỉ, mục đích, hiến pháp (luật dòng), quy chế, linh đạo (tinh thần dòng) và ngày lễ bổn mạng riêng. Luật dòng riêng đã tạo nên lối sống khác biệt của tu sĩ giữa các dòng hay các hình thức tu tập. Các đan sĩ sống thành cộng đoàn trong đan viện, chuyên cần chiêm niệm, kinh nguyện, học hỏi giáo lý, giáo luật, tự lao động để nuôi thân, không ra ngoài đan viện. Tu sĩ các dòng hoạt động tích cực tham gia làm việc tông đồ, truyền giáo, làm việc bác ái, giúp đỡ người nghèo, chăm lo người bệnh, dạy trẻ. Tu sĩ thuộc tu hội đời không có tu

phục riêng, không sống thành cộng đoàn trong tu viện hay đan viện mà họ vẫn ở tại gia đình và tham gia hoạt động xã hội như những giáo dân bình thường, lấy môi trường xã hội (nơi làm việc, công tác) làm địa bàn hoạt động tông đồ nhưng họ vẫn giữ ba lời khuyên Phúc Âm. Qua sự tận hiến, các tu sĩ tu hội đời muốn thuộc trọn về Chúa Kitô để làm chứng cho Tin mừng cứu độ và thánh hoá xã hội. Tu sĩ thuộc các tu đoàn tông đồ mặc dù không lời khấn công, song họ lại có lối sống gần với các tu sĩ dòng, có tu phục riêng, sống chung trong các tu viện, mục đích chính của họ là hoạt động tông đồ, truyền giáo phát triển đạo để mở rộng Nước Chúa.

Với vai trò truyền giáo, làm chứng cho Tin mừng cứu độ của Chúa Giêsu nhằm khuếch trương ảnh hưởng của đức tin Kitô giáo, tu sĩ được tuyển chọn, đào tạo công phu, bài bản, trải qua nhiều giai đoạn huấn luyện, thử thách, rèn luyện bản thân và tập sống với "ơn gọi" để đến cùng đích của sự "tận hiến" cho Thiên Chúa, cho Giáo hội và tha nhân qua việc thực hiện ba lời khuyên Phúc Âm. Tùy theo mỗi dòng tu hay mỗi hình thức tu trì khác nhau mà cách tuyển chọn và đào tạo tu sĩ cũng có sự khác nhau. Song nhìn chung, những người được tuyển vào tu viện phải có các tiêu chí, như: là người Công giáo, tuổi từ 17 đến 25 (có thể đến 30 tuổi), tự nguyện, có trình độ văn hóa nhất định, có sức khỏe tốt, tâm lý ổn định, không mắc các chứng bệnh tâm thần, có đạo hạnh, khiêm tốn; được sự giới thiệu của linh mục quản xứ nơi đi; phải có giấy chứng nhận đã lãnh nhận bí tích rửa tội và bí tích thêm sức.

Tùy theo mục đích, yêu cầu của mỗi dòng mà chương trình đào tạo tu sĩ có sự khác nhau. Nhưng về cơ bản, chương trình đào tạo tu sĩ thường trải qua ba

hoặc bốn bước: dự tu, tập viện, khẩn tạm và khẩn trọn. *Dự tu* (còn gọi là *thỉnh tu* hay *thỉnh sinh*, *đệ tử* hay *thanh tuyển sinh*) là những người mới bước đầu tìm hiểu một dòng tu, thử nghiệm để chuẩn bị bước vào tập viện. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc mỗi dòng riêng, nhưng trong khoảng vài ba tháng đến dưới một năm. Sau thời kỳ dự tu mới được vào tập viện trở thành tập sinh (tu hội đời gọi là thử nghiệm). *Tập viện* hay *tập sinh* là những người đã chính thức được nhận vào một tu hội để chuẩn bị khẩn dòng. Họ được đào luyện một cách nghiêm ngặt, chặt chẽ kéo dài từ 1 đến 2 năm, có thể chia thành hai giai đoạn *tiền tập sinh* và *tập sinh*. Kết thúc giai đoạn này, tập sinh sẽ khẩn tạm để trở thành *khẩn sinh*. *Khẩn tạm* hay *khẩn sinh* là những người phải cam kết tuyên khẩn hay hứa ba lời khuyên Phúc Âm. Mỗi tu sĩ sẽ khẩn tạm trong một thời gian tối thiểu là 3 năm, tối đa là 9 năm theo giáo luật, trước khi được khẩn vĩnh viễn. Tùy theo mỗi dòng, có thể mỗi năm khẩn sinh phải khẩn tạm (nhắc lại) lời khẩn một lần hoặc có thể 3 năm một lần trước khi khẩn trọn. Ngoài ba lời khẩn Phúc Âm, các tu sĩ còn phải tuyên khẩn hay hứa các lời khẩn riêng của dòng nếu dòng tu có lời khẩn riêng. Đây là giai đoạn các tu sĩ sống trong chủng viện hay kinh viện để học các môn thần học, tu đức và truyền thống của dòng hay học thêm các chuyên môn khác. *Khẩn trọn* còn gọi là *khẩn vĩnh viễn* là việc công bố một cách công khai lời tuyên hứa dẫn thân vào con đường tu trì để phục vụ Thiên Chúa và tha nhân qua nghi thức khẩn dòng⁽¹⁷⁾.

Nhìn chung, việc đào tạo tu sĩ rất chặt chẽ theo một chương trình bài bản, cả rèn luyện tu đức và thần học, giáo lý và chuyên môn với những điều kiện rất khắt khe theo

ba lời khuyên Phúc Âm. Bởi theo quan niệm của Giáo hội, đời tu Kitô giáo nam cũng như nữ là một cuộc lữ hành theo Chúa Kitô không phải ai cũng có đủ khả năng và thích hợp với cuộc hành trình đó. Vì thế, mọi tín hữu, dù là nam hay nữ, dù là giáo dân hay giáo sĩ đều có một lí tưởng nhắc tới: "hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện" (Mt 5.48) và "phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và phải yêu thương người lân cận như chính mình" (Mt 22.37-40). Ngoài ra, giáo luật còn có những quy định về đối tượng tuyển chọn, kỉ luật và quyền lợi của tu sĩ trong quá trình tu tập.

6. Cơ cấu tổ chức dòng tu

Khác với tổ chức Giáo hội Công giáo có hệ thống tổ chức gồm ba cấp hành chính đạo chính thức có tính thống nhất: Giáo hội hoàn vũ (Tòa Thánh), giáo hội địa phương (Tòa Giám mục) và giáo hội cơ sở (giáo xứ), ngoài ra còn các tổ chức có tính liên kết như giáo miền, giáo tỉnh, hội đồng giám mục, hạt đạo,... dòng tu không có hệ thống tổ chức thống nhất cho toàn giáo hội mà hình thành theo hệ thống dọc của mỗi dòng tu với nhiều hình thức rất đa dạng. Tùy theo loại hình dòng tu thuộc giáo phận hay Tòa Thánh, chiêm niệm hay hoạt động mà có hệ thống tổ chức khác nhau.

Trong các thế kỉ đầu, các ẩn tu không có tổ chức mà mỗi tu sĩ thường theo học một bậc chân tu lão luyện được tôn là cha giống như các tu sĩ Phật giáo theo học các thầy vậy. Từ thế kỉ IV, cùng với sự hình thành các tu đoàn, cơ cấu tổ chức của dòng tu cũng được thiết lập⁽¹⁸⁾. Sang thế kỉ VI, khi dòng Biển Đức ra đời thì hệ thống tổ chức dòng tu cũng xuất hiện có cơ cấu chặt chẽ. Các đan viện Biển Đức độc lập, tách biệt nhau, mỗi đan viện có

một viện phụ (hay đan viện trưởng) đứng đầu, được xem như một người cha có toàn quyền quyết định mọi vấn đề của đan viện để hướng dẫn, dạy dỗ các đan tu. Giúp việc cho đan viện phụ có các thủ trưởng (prior) và các niên trưởng (decani). Ngoài ra còn có một giám sinh huấn luyện cho các tân sinh. Bên cạnh đó các đan sĩ còn tham gia vào những cuộc tu nghị (đại hội) và một ban cố vấn. Vào thế kỷ X, các đan viện liên kết với nhau thành một hệ thống dòng tu mới hình thành hệ thống tổ chức từ cơ quan trung ương (tổng dòng) đến các miền hay tỉnh dòng rồi tới cấp cơ sở (đan viện). Các đan viện Cluny đặt dưới sự điều hành trực tiếp của đan viện mẹ. Cơ quan trung ương của đan viện mẹ do một tổng viện phụ phụ trách. Sang thế kỷ XI, khi dòng Xitô ra đời quyền hành được trao cho các tổng tu nghị (đại hội dòng). Hình thức tổng tu nghị trở nên phổ biến trong các dòng tu ra đời vào thời Trung cổ. Các đan sĩ và các kinh sĩ trong các đan viện tự trị vĩnh cư dưới quyền của đan viện phụ. Khi dòng khát sĩ ra đời, do tính chất hoạt động ngoài nhà dòng, do số lượng tu sĩ đông và địa bàn hoạt động rộng nên hình thành hệ thống tổ chức với cơ cấu ba cấp: tu viện, tỉnh dòng và dòng. Theo đó, mỗi dòng chia thành nhiều tỉnh dòng, mỗi tỉnh dòng có một số tu viện⁽¹⁹⁾. Cách phân chia dòng thành các phân chi (tỉnh dòng) phỏng theo mô hình tổ chức của Giáo hội (giáo tỉnh, giáo miền). Các tỉnh dòng có thể phân chia theo địa giới hành chính của nhà nước thế tục hoặc theo ngôn ngữ hay theo đơn vị các đan viện. Dần dần cơ cấu ba cấp của các dòng tu trở nên phổ biến đối với các dòng hoạt động mặc dù quyền hạn của các tỉnh dòng có sự khác nhau. Ban đầu, dòng Phan Sinh không có cơ quan trung ương mà tỉnh dòng là đơn

vị then chốt: các tu viện trưởng do tỉnh hội bổ nhiệm. Ngược lại, đối với dòng Tên các giám tỉnh do bề trên tổng quyền bổ nhiệm. Không phải mọi dòng đều thiết lập các tỉnh dòng mà chỉ các dòng có tầm hoạt động rộng như dòng Đa Minh, Phan Sinh, dòng Tên,... mới phân chia thành các tỉnh dòng. Cũng có dòng phân chia thành các miền, vùng, phụ tỉnh. Các dòng cũng có sự khác nhau trong việc điều chuyển nhân sự từ tỉnh dòng này sang tỉnh dòng khác. Dưới các tu viện hay đan viện có thể có các cơ sở trực thuộc gọi là nhà.

Đối với các dòng có hệ thống tổ chức ba cấp, trụ sở của cơ quan trung ương hội dòng thuộc quyền Tòa Thánh thường đặt tại Rôma. Đứng đầu cơ quan trung ương (tổng dòng) có một vị *Bề trên tổng quyền*, có quyền quyết định trên tất cả các tỉnh dòng, các tu viện của dòng. Theo định kỳ 5 năm hoặc 6 năm một lần, Bề trên tổng quyền phải báo cáo tình hình dòng tu lên Tòa Thánh. Bên cạnh đó còn có một Hội đồng cố vấn do bề trên tổng quyền chỉ định hoặc do đại hội dòng bầu cử. Đứng đầu các miền, tỉnh dòng là một vị *bề trên giám tỉnh* hay *bề trên giám miền* dòng. Đứng đầu một tu viện hay đan viện gọi là *tu viện trưởng* hay *đan viện trưởng*. Các chức bề trên tổng quyền, bề trên giám tỉnh hay tổng viện phụ và bề trên các dòng đan tu tự trị được xếp vào hàng *bề trên cao cấp*, tương đương chức giám mục thuộc hàng giáo sĩ. Còn các tu viện trưởng gọi là bề trên thấp cấp hay bề trên địa phương. Bề trên cao cấp của các dòng giáo sĩ thuộc quyền tòa thánh được gọi là *dấng bản quyền*, họ cũng có quyền hành như các giám mục giáo phận trong tổng hay tỉnh dòng của mình. Trước đây người được bầu vào chức bề trên thường giữ chức suốt đời.

Việc hoạch định đường hướng hoạt động, xây dựng luật dòng hay bầu bề trên của mỗi dòng tu được thông qua tu nghị (tức đại hội như công nghị giáo phận) theo định kì hoặc bất thường. Tùy theo cấp bậc mà các tu nghị này có thể là toàn dòng gọi là tổng tu nghị hay tổng hội; cấp tỉnh gọi là thành hội; cấp tu viện gọi là tu viện hội. Tu nghị của tổng dòng hay tỉnh hoặc miền dòng do đại biểu tu sĩ còn tu nghị của các tu viện thường do toàn thể tu sĩ (những người đã khấn trọn) của dòng tham dự. Dòng Đa Minh được xem là dòng tu có cơ chế dân chủ nhất được thiết lập như một tổ chức xã hội, quyền lực là sự kết hợp hữu cơ giữa bề trên và cộng đoàn thông qua tu nghị. Các tu viện tổ chức đại hội bầu tu viện trưởng, nhưng kết quả bầu cử phải được giám tỉnh phê chuẩn. Tu nghị của tỉnh dòng gồm các tu viện trưởng và đại diện của các tu viện bầu giám tỉnh. Kết quả bầu cử phải được bề trên tổng quyền phê chuẩn. Tu nghị dòng do các giám tỉnh và hai đại biểu của tỉnh bầu bề trên tổng quyền. Bề trên tổng quyền giữ chức suốt đời, nhưng có thể bị cách chức. Hằng năm bề trên tổng quyền phải báo cáo tình hình dòng tu hai lần: một lần cho các giám tỉnh và một lần cho các giám định viên. Tổng tu nghị là cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp tối cao của dòng⁽²⁰⁾. Vào thời Cận đại, xu hướng tập trung quyền lực vào tay bề trên tổng quyền ngày càng trở nên phổ biến, điển hình nhất là dòng Tên, mọi quyền hành đều tập trung vào tay bề trên tổng quyền. Ngay cả dòng Đa Minh, các tu nghị cũng ngày càng thưa dần, từ 1 năm, đến 2 năm rồi 3 năm một lần. Thậm chí có bề trên còn đề nghị Tòa Thánh cho miễn không triệu tập tổng tu nghị vì lí do khó khăn. Từ thế kỉ XVI trở đi, do ảnh hưởng của dòng Tên, các dòng tu hầu như

không tổ chức bầu cử và tu nghị. Tổng tu nghị chỉ họp để bầu bề trên tổng quyền và bề trên tổng quyền sẽ bổ nhiệm tất cả các giám tỉnh và tu viện trưởng.

Sau Công đồng Vatican II, việc tuyển chọn bề trên của các dòng tu được thực hiện bằng hai hình thức: bầu cử hoặc chỉ định, theo một nhiệm kì nhất định. Nhiệm kì giữ chức bề trên dòng có thể 6 năm hoặc 12 năm tùy theo mỗi dòng. Dòng Đa Minh có quy định cụ thể về nhiệm kì của các cấp bậc: nhiệm kì bề trên tổng quyền là 9 năm, giám tỉnh 4 năm còn tu viện trưởng là 3 năm. Những người được tuyển chọn làm bề trên của các dòng phải là các tu sĩ đã khấn trọn, có thâm niên, đạo hạnh và có trình độ thần học. Họ phải cư trú ở nhà dòng, cai quản tu sĩ và tài sản của dòng. Đối với các bề trên tổng quyền hay giám tỉnh phải kinh lí các tu viện hay phần dòng của mình. Đối với các dòng tu thuộc thẩm quyền giáo phận thì ngoài bề trên của dòng, giám mục giáo phận có quyền kinh lí các nhà dòng trong giáo phận của mình. Cơ cấu tổ chức của các dòng giáo phận đơn giản hơn, thường chỉ bề trên dòng hay người phụ trách tu hội, mỗi dòng thường có một số cơ sở ở xứ, họ đạo nào đó trong giáo phận.

Ngoài các dòng có hệ thống tổ chức ba cấp nêu trên, còn có các liên minh hay liên kết giữa các đan viện. Hiện tượng này chỉ diễn ra đối với các đan viện thuộc các dòng tu kín. Về nguyên tắc, mỗi đan viện có nếp sống biệt lập và cai quản tự trị. Tuy nhiên, do có chung linh đạo và hiến pháp nên để hỗ trợ nhau trong việc đào tạo, trao đổi kinh nghiệm, các đan viện hợp thành một "liên minh" (liên hiệp). Hiện tượng này diễn ra phổ biến hơn từ sau khi giáo hoàng Piô XII ban hành tông huấn *Sponsa*

Christi ngày 21/11/1950, nhất là đối với các đan viện nữ. Ví như các đan viện Xitô ở Việt Nam họp thành chi dòng Thánh gia. Các đan viện thuộc dòng Biển Đức họp thành tỉnh dòng đặt dưới quyền của tổng viện phụ⁽²¹⁾. Việc thành lập hay rút lui khỏi liên minh thuộc thẩm quyền của Tòa Thánh. Cơ cấu tổ chức của các liên minh: đại hội gồm đại biểu của các đan viện thành viên (thường là bề trên và một đại biểu của đan viện) bầu chủ tịch và ban cố vấn, xác định đường hướng hoạt động, canh tân. Có đại hội thường lệ và bất thường. Chủ tịch điều hành liên minh do đại hội bầu lên, nhưng không phải là bề trên, không có quyền hành trên các đan viện thành viên. Tuy nhiên, chủ tịch điều hành có bốn phận kinh lí các đan viện để nắm tình hình và năm năm một lần phải báo cáo lên Bộ Tu sĩ về liên minh dòng. Ban điều hành gồm chủ tịch và các cố vấn do đại hội bầu lên, mỗi năm họp một lần nhằm thực thi các nghị quyết của đại hội. Ban này có một thư ký, một thủ quỹ và các chức vụ khác. Phụ tá tinh thần là đại diện của liên minh ở Tòa Thánh có thể do Tòa Thánh bổ nhiệm để giám sát hoạt động của liên minh dòng.

Từ sau Công đồng Vatican II, Giáo triều Rôma cải tổ lại thành lập Bộ Tu sĩ chuyên lo công việc của các dòng tu, kể cả dòng thuộc quyền giáo phận về việc xét duyệt thủ tục thành lập, tách nhập, đào tạo tu sĩ, luật lệ, phẩm phục, v.v... Tuy nhiên, bộ này chỉ là cơ quan hành chính của giáo triều chuyên lo về thủ tục thiết lập hay giải thể dòng tu và những vấn đề khác như quy định về tu phục của mỗi dòng, xét duyệt luật dòng, họ không có quyền can thiệp sâu vào hoạt động của các dòng tu cũng như tu sĩ. Mọi vấn đề

cai quản dòng tu đều do các dòng tu tu theo cấp độ (dòng giáo hoàng hay dòng giáo phận) cai quản dưới quyền của các bề trên dòng. Ngoài ra, tùy theo tính chất của mỗi dòng tu mà các tu sĩ còn phải chịu sự quản lí của các cơ quan giáo triều khác. Ví như các tu sĩ thuộc hàng giáo sĩ chịu sự quản lí của bộ giáo sĩ, các dòng tu thuộc xứ truyền giáo chịu sự chi phối của Bộ Truyền giáo, v.v...

Tóm lại, dòng tu là một bộ phận quan trọng của Giáo hội Công giáo đã có lịch sử lâu đời, được hình thành với rất nhiều hình thức tu tập khác nhau. Với tư cách là một bộ phận cấu thành giáo hội, dòng tu và đội ngũ tu sĩ có vai trò rất quan trọng đối với Giáo hội Công giáo không chỉ trong việc phát triển đạo, sống đạo, giữ đạo mà còn là một công cụ hữu hiệu để Giáo hội Công giáo khuếch trương ảnh hưởng của đức tin Công giáo ra ngoài xã hội. Vì vậy, Giáo hội Công giáo luôn quan tâm chú trọng phát triển các hình thức tổ chức tu trì, sử dụng hàng ngũ tu sĩ vào nhiệm vụ truyền giáo phát triển đạo để mở rộng "Nước Chúa" trên khắp thế gian. Với chủ trương canh tân và thích nghi dòng tu của Công đồng Vatican II, ngày nay lối sống tu trì đang có nhiều thay đổi cả về hình thức tổ chức và cách thức tu tập, các tu sĩ ngày càng dần thân vào các hoạt động của xã hội trần thế nhiều hơn. Với trên 1 triệu tu sĩ nam nữ, trên 1.500 tổ chức tu trì thuộc quyền giáo hoàng và hàng ngàn dòng tu giáo phận với hàng trăm ngàn tu sĩ có mặt ở khắp nơi trên thế giới, chúng tỏ vai trò to lớn của nó trong đời sống của đạo Công giáo và hình thức tu tập này vẫn còn hấp dẫn lôi cuốn được nhiều tín hữu Kitô giáo tham gia vào đời sống đạo trong thế giới hiện đại./.

Chú thích:

1. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.224.
2. Phan Tấn Thành: *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 3, tr.447.
3. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.223-224.
4. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.225.
5. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.224.
6. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.1.278.
7. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.1.278.
8. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.378.
9. *Nữ tu đọc văn thư Tòa Thánh*. Ra khơi xuất bản 1996, tr.346.
10. Công đồng chung Vaticanô II: *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.381.
11. Hội đồng Giám mục Việt Nam: *Giáo hội Công giáo - Niên giám 2004*, tr.305.
12. Đến thế kỉ XIII, Giáo hội mới chính thức thừa nhận ba lời khuyên Phúc Âm và có nghi thức khấn dòng. Trước đó, vào thế kỉ đầu các trinh nữ và các nhà khổ hạnh không có lời khuyên, mặc dù họ không xây dựng gia đình và sống nghèo khổ. Sang thế kỉ thứ III, các tu sĩ khổ hạnh cũng thực hiện sống nghèo khổ hạnh, suốt đời cầu nguyện và không lập gia đình. Tuy nhiên, họ không coi ba lời khuyên Phúc Âm là điều cốt lõi của đời sống tu trì. Đến thế kỉ thứ VI, khi dòng Biển Đức ra đời mới đưa ra ba lời khuyên: *vĩnh cư* (sống suốt đời sống trong đan viện, không đi lang thang từ nhà dòng này sang nhà dòng khác hay đi ẩn tu); *hoán cải* (từ bỏ của cải riêng chấp nhận kỉ luật của đời sống cộng đồng) và *vâng phục* (vâng phục Thiên Chúa, vâng lời viện phụ là người thay mặt Thiên Chúa điều dắt họ trên con đường thiêng liêng). Năm 1090, các kinh sĩ Saint Victor ở Paris đã nói tới việc tuân giữ ba điều: "*Khiết tịnh, sống chung* (chung tài sản) và *vâng lời*". Năm 1148, các kinh sĩ Ste Geneviève ở Paris đưa ra công thức: "*Khiết tịnh, thông hiệp* (tài sản để làm của chung) và *vâng phục*". Bản luật đầu tiên của dòng Chúa Ba Ngôi (1198) nói tới sự: "*vâng lời, khiết tịnh và không tư hữu*". Bản luật đầu tiên của dòng Phaxicô do Phanxicô Assisi soạn năm 1209 đề cập đến việc: "*vâng phục, khiết tịnh và không có tài sản*". Đến bản luật năm 1219 ghi: "*vâng lời, không có tài sản và thanh tịnh*". Trong một văn bản gửi cho dòng nữ Clara (dòng nữ Phaxicô), giáo hoàng Innocene IV (1243-1254) nói tới sự *vâng phục, không có tài sản và khiết tịnh* là ba nghĩa vụ của đời sống tu trì. Bản luật đầu tiên của dòng Đa Minh (1221) chỉ yêu cầu các tu sĩ vâng lời Thiên Chúa và Bề trên. Năm 1270, nhà thần học Tôma Aquinô dòng Đa Minh biên soạn thần học về ba lời khuyên Phúc Âm, coi đó là điều căn bản của đời sống tu trì. Từ đó, Giáo hội chính thức thừa nhận ba lời khuyên Phúc Âm: "*Khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục*" và có nghi lễ khấn dòng như ngày nay. Sau Công đồng Vatican II, Giáo hội gọi là *lời khuyên* chứ không phải là *lời khấn* như trước đây, bởi lời khấn có tính bắt buộc chỉ dành cho các dòng tu, còn lời khuyên bao hàm cho cả các tu hội đời và các tu đoàn tông đồ nữa vì họ chỉ có lời hứa, lời thể chứ không có lời khấn. Xem Phan Tấn Thành: *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 3, Rôma 1995, tr. 429-433.
13. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 3, Rôma 1995, tr. 436 và 439.
14. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 3, Sdd, tr.452.
15. Công đồng Trentô (1545-1565) thừa nhận lời khấn thứ tư của các dòng tu qua sắc lệnh bàn về đời tu. Nhưng năm 1901, Tòa Thánh ban hành sắc lệnh cấm các dòng lập lời khấn thứ tư. Mặc dù vậy, giáo luật 1917 và 1983 không đề cập đến vấn đề này, nghĩa là tùy các dòng. Do đó, nhiều dòng tu vẫn có lời khấn thứ tư. Phan Tấn Thành: *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 4, Sdd, tr.690-692.
16. Buổi sáng (khoảng 3 giờ 45 phút đến 7 giờ), nguyện ngắm, kinh sáng, thánh lễ, vệ sinh cá nhân, ăn sáng, lao động, học tập, sinh hoạt xã hội. *Trưa* (từ 11-13 giờ): kinh trưa, ăn trưa, nghỉ. *Chiều*: kinh chiều, lao động, học tập, sinh hoạt xã hội... *Tối* (từ 18-21 giờ): ăn tối, sinh hoạt cộng đoàn, nghỉ đêm.
17. Nghi thức khấn dòng xuất hiện vào thế kỉ thứ V do tu sĩ Dionosio nêu lên cho các Giáo hội phương Đông. Theo đó, nghi thức diễn ra trước bàn thờ, do một linh mục chủ tọa, gồm bốn phần: 1. Đọc lời cầu nguyện xin ơn cho người sắp khấn; 2. Linh mục chất vấn ứng sinh về việc từ bỏ tội lỗi (đời thường) và tiến lên con đường tu trì; 3. Linh mục làm dấu thánh trên đầu và cắt tóc; 4. ứng sinh lột bỏ áo đời và mặc áo dòng. Khi đời sống tu trì được tổ chức quy củ, thì nghi thức khấn dòng cũng được xác định chi tiết hơn, thay vì cắt tóc và mặc áo dòng, người ta nhấn mạnh đến công thức tuyên khấn, gồm ba hình thức chính thức, là khấn trên bàn thờ, khấn trong tay và khấn trước mình Chúa. *Khấn trên bàn thờ*, nghĩa là ứng sinh đọc lời tuyên khấn gần bàn thờ để nói lên ý chí dâng hiến, hợp với hy lễ đức Kitô trên bàn thờ. Hình thức này được mô tả trong luật dòng Biển

Đức. Sau khi hết giai đoạn thử luyện, tập sinh được dẫn ra nhà thờ, trước cộng đoàn, họ đọc lời hứa vĩnh cư, hoán cải và vâng phục, sau đó đặt lá đơn lên bàn thờ, cộng đoàn sẽ xướng thánh vịnh. Tiếp đó người khấn phủ phục dưới chân mỗi đan sĩ để xin cầu nguyện cho mình được trung thành. Cuối cùng, đan sinh sẽ bỏ áo đời, mặc áo dòng. *Khấn trong tay* nghĩa là khấn trong tay bề trên hay khấn trong tay Chúa. Vào thời trung cổ, các dòng kinh sỹ, hiệp sỹ và hành khất, hình thức khấn có sự thay đổi. Nghi lễ diễn ra ở phòng hội chứ không ở nhà thờ nữa. Tập sinh phủ phục giữa phòng hội, xin được gia nhập dòng. Sau những câu hỏi chất vấn, tập sinh đứng lên, đến trước mặt bề trên, quỳ gối đặt tay mình trong tay bề trên và đọc lời khấn. Nghi thức kết thúc với các cử chỉ tiếp nhận bằng cách bề trên và cả cộng đoàn choàng tay ôm tân khấn sinh và chúc bình an. Cũng có dòng kết hợp cả hai nghi thức, trước hết khấn trong tay ở nhà hội, sau đó khấn sinh được kiệu ra nhà thờ để khấn trên bàn thờ. Nhưng dòng Đa Minh chỉ khấn trong tay ở nhà hội. *Khấn nước Minh Thánh Chúa* vào lúc rước lễ. Hình thức này xuất phát từ dòng Tên, cũng giống như lời khấn trong tay của các dòng trung cổ, nhưng thay vì khấn trong tay bề trên, các giáo sỹ dòng Tên lại khấn trong tay Chúa. Nhiều dòng nữ tu thời cận đại cũng chịu ảnh hưởng của dòng Tên khấn trong tay Chúa. Sau Công đồng Vatican II, ngày 2/2/1970, Tòa Thánh ban hành nghi lễ khấn dòng dành cho nam và nữ tu với sự mô tả nghi thức gia nhập đời tu, khấn tạm thời, khấn vĩnh viễn và lập lại lời khấn. Nghi lễ diễn ra sau phần Phụng vụ Lời Chúa gồm các bước: nêu lên khấn sinh, đọc huấn từ, thăm vấn, đọc kinh cầu các thánh, tuyên khấn, đọc lời nguyện cung hiến, trao biểu tượng của sự tận hiến (đối với nữ tu là chiếc nhẫn nhằm nói lên sự kết hôn bí nhiệm với Chúa Kitô).

18. Các cộng đoàn đan tu của Pacômio sống thành từng làng, có hàng rào ngăn cách với dân cư. Mỗi làng các đan sỹ được phân thành các "hộ" khoảng ba bốn chục người theo nghề nghiệp riêng (làm bánh, may vá, làm ruộng). Đứng đầu mỗi "hộ" là chủ hộ nhận mệnh lệnh của các đan viện trưởng. Các đan viện trưởng do Pacômio chỉ định. Các đan sỹ sinh hoạt trong hộ của mình. Mỗi năm các làng chỉ sinh hoạt chung hai lần: một lần vào mùa Phục sinh để cử hành phụng vụ và một lần vào tháng tám để nghe các chủ hộ báo cáo tình hình. Cơ cấu tổ chức đan viện của Pacômio giống như một trại lính. Ngược lại các đan viện của Basilio được tổ chức thành các nhóm nhỏ, các đan sỹ coi nhau như anh em, dưới sự hướng dẫn của viện phụ tức là người cha thiêng liêng, thấy dẫn đường nhân đức cho họ.

19. Năm 1217, tổng hội dòng Phan Sinh phân dòng thành 11 tỉnh dòng. Sau đó, bề trên Elia đã chia thành 72 tỉnh dòng dựa theo số các môn đệ của Chúa Giêsu. Nhưng năm 1239, rút xuống còn 32 tỉnh dòng, rồi nâng lên thành 34 vào thế kỉ XIV. Năm 1221, dòng Đa Minh chia thành 8 tỉnh dòng. Năm 1228, nâng lên 12 tỉnh dòng và 18 tỉnh dòng vào thế kỉ XV. Xem Phan Tấn Thành: *Dân Thiên Chúa* (giải thích giáo luật quyển II), tập 4, tr.607.

20. Các nhà lập pháp Hoa Kỳ đã tham khảo bản luật dòng Đa Minh để xây dựng hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

21. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật*, tập 3, tr.597-598.